

QUAN ĐIỂM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN VỀ GIA ĐÌNH VÀ VẬN DỤNG TRONG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

★ GS, TS NGUYỄN HỮU MINH

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích những tư tưởng cơ bản của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về gia đình và ý nghĩa của gia đình đối với sự phát triển xã hội. Từ các kết quả nghiên cứu khoa học được công bố, bài viết phân tích, nhận diện một số thách thức chủ yếu đang đặt ra đối với gia đình Việt Nam trong việc đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số vấn đề cần quan tâm hơn nữa nhằm vận dụng tư tưởng C.Mác và Ph.Ăngghen về gia đình, phát huy tốt hơn vai trò của gia đình đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới.

● **Từ khóa:** C.Mác, Ph.Ăngghen, gia đình, xây dựng gia đình Việt Nam.

1. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về gia đình và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển xã hội

Theo các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội, đồng thời chịu sự tác động của các quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã cho rằng, quan hệ gia đình có vị trí quan trọng trong các mối quan hệ con người được hình thành trong lịch sử nhân loại, nó “tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển của lịch sử: hằng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái”⁽¹⁾. C.Mác và Ph.Ăngghen còn

khẳng định, lúc đầu, gia đình là “quan hệ xã hội duy nhất”, chỉ khi dân số tăng lên để ra nhu cầu mới và khi nhu cầu tăng lên để ra những quan hệ xã hội mới thì quan hệ gia đình mới trở thành quan hệ phụ thuộc. Nói cách khác, chính quá trình tồn tại và phát triển của gia đình với những nhu cầu vật chất và tinh thần đã thúc đẩy quá trình phát triển sản xuất nói chung và sự phát triển nền đại công nghiệp nói riêng. Do gia đình có vai trò quan trọng trong mối liên hệ của nó với các quan hệ khác trong lịch sử xã hội mà khảo sát và nghiên cứu gia đình cần căn cứ vào những tư liệu kinh nghiệm hiện có⁽²⁾.

Đồng thời, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và sự phát triển của nền công nghiệp. Chính quá trình phát

triển nền công nghiệp đã tác động trở lại gia đình, làm thay đổi kết cấu gia đình, thay đổi nhu cầu vật chất và tinh thần của mỗi một thành viên trong gia đình. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ, với sự hình thành và phát triển của nền đại công nghiệp thì không chỉ các quan hệ xã hội, mà cả quan hệ gia đình cũng đã bị thay đổi, từ quan hệ hôn nhân đến giáo dục gia đình, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái⁽³⁾.

Những luận điểm tương tự đã được C.Mác và Ph.Ăngghen phát biểu ở một số tác phẩm khác, đặc biệt, trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, tác phẩm mà Ph.Ăngghen khiêm tốn nói rằng, “tác phẩm này của tôi chỉ có thể thay thế một cách yếu ớt những gì mà người bạn đã quá cố (C.Mác) của tôi không còn có thể làm được nữa mà thôi”⁽⁴⁾ bởi lẽ theo ông, chính Mác cũng đã có dự định trình bày những kết quả tương tự⁽⁵⁾. Trong tác phẩm này, Ph.Ăngghen sử dụng cách phân tích duy vật lịch sử của C.Mác và của ông để xem xét sự biến đổi của gia đình trong mối quan hệ biện chứng với sự phát triển sản xuất và xã hội, và chỉ rõ rằng gia đình và trình độ phát triển của gia đình có tác động rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc tái tạo ra bản thân con người, bảo vệ nòi giống cũng như tái tạo ra sức lao động cho nền sản xuất xã hội. “Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất đó quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình⁽⁶⁾. Đồng thời, sự biến đổi gia đình gắn với những thay đổi của sức sản xuất và sự phát triển của xã hội.

Như vậy, quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về gia đình chứa đựng hai luận điểm quan trọng:

Thứ nhất, các ông coi gia đình được hình thành và biến đổi trong quá trình phát triển của nhân loại, đồng thời có vai trò to lớn đối với sự phát triển xã hội; *Thứ hai*, sự phát triển của gia đình bị quy định bởi sự phát triển của sản xuất vật chất.

Những quan điểm cơ bản trên đây của C.Mác và Ph.Ăngghen có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc trong nghiên cứu và định hướng xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất qua các giai đoạn lịch sử, gia đình Việt Nam đã có nhiều thay đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại, đặc trưng bởi gia đình hạt nhân là trung tâm, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động ngoài phạm vi gia đình tăng lên và sự thay đổi khuôn mẫu phân công lao động truyền thống giữa vợ và chồng, nam giới ngày càng chia sẻ nhiều hơn vào các công việc gia đình. Các chức năng của gia đình như chức năng kinh tế, tâm lý - tình cảm, giáo dục - xã hội hóa, tái sản xuất cũng thay đổi. Gia đình không còn là đơn vị sản xuất chủ yếu nữa mà dần chuyển thành đơn vị tiêu dùng. Gia đình cũng không còn là môi trường duy nhất truyền thụ kiến thức và giáo dục đạo đức cho trẻ em mà chức năng đó dần được chuyển giao cho xã hội. Mối quan hệ giao tiếp của các thành viên không còn được thực hiện chủ yếu bằng các cuộc gặp mặt trực tiếp mà có thể thông qua email, điện thoại, facebook, v.v.. Điều đó làm cho đời sống tình cảm và mối quan hệ của các thành viên trong gia đình thay đổi. Gia đình tham gia vào mọi quá trình sản xuất, tái tạo con người và đào tạo, bồi dưỡng con người, gia đình có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của mỗi cá nhân mà cả trong việc thực hiện các chức năng xã hội, giữ gìn và chuyển giao các giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác.

2. Một số thách thức chủ yếu của gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới

Vị thế của người phụ nữ trong gia đình chưa được cải thiện đáng kể

Luật Bình đẳng giới ban hành và có hiệu lực kể từ năm 2007. Tuy nhiên, cho đến nay, giữa văn bản pháp quy và đời sống hiện thực vẫn còn một khoảng cách lớn. Trong quan hệ giữa vợ và chồng, việc phân công lao động trên cơ sở giới vẫn duy trì, mặc dù đã có sự chia sẻ cân bằng hơn giữa hai giới trong công việc sản xuất kinh doanh hoặc một số loại việc khác⁽⁷⁾. Gánh nặng lao động “kép”, với quỹ thời gian hạn hẹp,... đang gây trở ngại cho phụ nữ phát triển năng lực, thậm chí cả trong bảo đảm thể chất lẫn đời sống văn hoá tinh thần, do đó cũng làm giảm chất lượng mối quan hệ vợ - chồng.

Người chồng thường là người giữ vai trò quyết định đối với một số công việc quan trọng trong gia đình. Với những “việc lớn” của gia đình, vai trò ra quyết định của người đàn ông, người chủ gia đình vẫn là một chuẩn mực ít thay đổi⁽⁸⁾. Mối quan hệ vợ - chồng trong nhiều trường hợp dường như đang lặp lại hình ảnh “chồng chúa, vợ tôi” từ xa xưa⁽⁹⁾.

Một trong những khía cạnh thể hiện rõ sự bất bình đẳng giữa giới nam và giới nữ trong gia đình là tình trạng bạo lực của người chồng đối với người vợ vẫn còn nghiêm trọng. Số liệu điều tra quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ Việt Nam năm 2010⁽¹⁰⁾ cho thấy, có 27% phụ nữ tham gia khảo sát đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực về thể chất, tinh thần hoặc tình dục trong vòng 12 tháng trước cuộc điều tra, trong đó có 6% đã chịu bạo lực thể chất. Đáng chú ý là, đến năm 2019, một cuộc điều tra quốc gia tương tự về vấn đề này chỉ ra rằng, mức độ phổ biến của các hình thức bạo lực không giảm đi, với 27,8% phụ nữ tham gia khảo sát đã trải qua ít nhất một

hành vi bạo lực về thể chất, tình dục, tinh thần và kiểm soát hành vi, trong đó có 4,6% bị bạo lực thể chất⁽¹¹⁾.

Gắn với các mâu thuẫn, xung đột và bạo lực gia đình là vấn đề ly hôn. Số liệu thống kê cho thấy, số lượng các cuộc ly hôn tăng dần qua các năm và tỷ lệ nữ đứng đơn ly hôn ngày càng nhiều hơn nam giới⁽¹²⁾. Việc đứng đơn ly hôn của người phụ nữ phần nào cho thấy địa vị của người phụ nữ đã thay đổi, nhận thức về quyền của họ được nâng lên, người phụ nữ đang ngày càng tự chủ hơn trong đời sống hôn nhân. Tuy nhiên, thực tế này cũng phản ánh sự tác động của nền kinh tế thị trường đã len lỏi vào đời sống gia đình, chi phối mối quan hệ chồng - vợ dễ rạn nứt, xung đột dẫn đến hôn nhân tan vỡ. Hậu quả lớn của các cuộc ly hôn chính là sự phát triển thiếu toàn diện của con cái cũng như sự thiếu tôn trọng của con cái đối với cha mẹ sau này.

Một khía cạnh khác của tình trạng bất bình đẳng giới trong gia đình đó là sự bảo lưu mạnh mẽ xu hướng ưa thích con trai. Ý nghĩa của con trai trong đời sống gia đình Việt Nam đã thay đổi, tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ đáng kể người dân (36,7% người trả lời độ tuổi 18-60)⁽¹³⁾ ủng hộ quan niệm nhất thiết phải có con trai. Trong đó, động cơ có con trai để có người nối dõi tông đường là lý do quan trọng⁽¹⁴⁾. Đáng lưu ý là đối với nhóm thanh niên tuổi 14-25, những người đại diện cho thế hệ trẻ, quan niệm này vẫn còn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ. Theo kết quả Điều tra thanh niên và vị thành niên Việt Nam 2009, vẫn còn 12,6% thanh niên nói cần phải có con trai. Quan niệm trọng con trai phổ biến ở nông thôn hơn ở thành thị, ở nhóm dân tộc thiểu số hơn nhóm người Kinh⁽¹⁵⁾. Việc phân biệt đối xử giữa con trai và con gái dẫn đến tình trạng chọn lọc giới tính thai nhi. Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam đang có xu hướng tăng, từ 110,5 bé

trai/100 bé gái (2009) lên 112,2 (2014) và 111,5 (2019)⁽¹⁶⁾. Xu hướng mất cân bằng giới tính diễn ra phổ biến ở khu vực đồng bằng sông Hồng với tỷ số giới tính khi sinh là 115,5⁽¹⁷⁾.

Theo xu hướng này, tỷ số giới tính khi sinh đã tích lũy thời gian vừa qua, chỉ vài thập niên sau, tình trạng không có đủ phụ nữ cho đàn ông lấy làm vợ sẽ xảy ra ở nước ta (giống như tình trạng đang xảy ra ở các nước và một số vùng lãnh thổ của Đông Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan hiện nay). Khi đó khủng hoảng “thừa nam thiếu nữ” không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của nam giới mà nguy cơ đối với phụ nữ cũng sẽ hiện hữu: họ sẽ trở thành đối tượng bị tranh cướp, thành nạn nhân của tình trạng mại dâm và buôn bán phụ nữ, và nhất là nguồn lao động của đất nước sẽ bị thiếu hụt ở một số lĩnh vực cần đến bàn tay khéo léo và óc thẩm mỹ tinh tế của phụ nữ. Đây là một hiện tượng rất bất bình thường trong phát triển dân số và gia đình ở Việt Nam cần được các nhà hoạch định chính sách xã hội, các bậc cha mẹ, nhất là những người đang trong độ tuổi sinh đẻ quan tâm.

Những bất cập trong chăm sóc trẻ em và người cao tuổi

Bối cảnh CNH, HĐH góp phần làm nảy sinh một hiện tượng mới được coi là “sự phân ly gia đình” trong giai đoạn mới. Để giải quyết tình trạng nguồn đất đai canh tác ngày càng bị thu hẹp, người nông dân buộc lòng phải di cư tìm kiếm việc làm, kể cả quốc tế và trong nước. Trong mấy thập kỷ qua, di cư nội địa tăng lên nhanh chóng. Dân số di cư giữa các tỉnh tăng từ 2 triệu người (1999) đến 3,4 triệu người (2009) và 2,8 triệu người (2019)⁽¹⁸⁾. Xu hướng nữ hóa di cư thể hiện rõ khi tỷ lệ phụ nữ chiếm hơn một nửa dân số di cư ở các loại hình di cư. Phân tích cơ cấu tuổi của các dòng di cư qua 3 kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở (1989-2009) và Điều tra di cư

nội địa quốc gia (2015) cho thấy, người di cư, đặc biệt là nữ, có xu hướng trẻ hơn. Điều đó sẽ làm khu vực nhận di cư có thêm nhiều lao động trẻ, trong khi đó khu vực gửi ngày càng phải đối mặt với hiện tượng già hóa dân số và những nhu cầu đặt ra của nhóm người già⁽¹⁹⁾.

Một chiều cạnh khác của di cư là xuất khẩu lao động quốc tế. Tính từ năm 1990 đến 2009 có khoảng 500 nghìn người ra nước ngoài lao động tại trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó khoảng 1/3 là phụ nữ⁽²⁰⁾. Giai đoạn 2010-2019 (tính đến trước khi bị đại dịch Covid-19) ước tính khoảng 1.115.000 người⁽²¹⁾.

Điều này dẫn đến một nghịch cảnh là tạo ra các *gia đình phân ly giữa thời bình*. Một sự phân ly gia đình rất dữ dội bởi tất cả những người có sức lao động của gia đình đều phải ra đi, nên ở nhiều làng, xã chỉ còn lại ông bà già và trẻ nhỏ. Tình trạng đó tạo ra những khó khăn cho hệ thống chăm sóc người cao tuổi và trẻ em.

Xét về mặt kinh tế, mức thu nhập của các gia đình di cư đạt được khá cao so với mức sống trung bình tại địa phương. Nhờ có khoản thu nhập này, gia đình người di cư có thể trang trải được nhiều khoản chi tiêu thường trực tại quê nhà, chẳng hạn, dùng tiền để thuê mướn lao động, đầu tư một phần tiền gửi về cho sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn dùng để chi tiêu hàng ngày, trả nợ, học hành của con, v.v.. Tuy nhiên, xét về mặt văn hóa, lối sống, cũng như các mối quan hệ giữa các thành viên gia đình, thì cuộc sống ở những gia đình có người di cư đang bị đảo lộn rất lớn. Những mâu thuẫn vợ - chồng, sự thiếu quan tâm đến con cái, điều kiện chăm sóc người cao tuổi giảm đi, v.v.. trong rất nhiều trường hợp đã phát sinh từ các gia đình di cư này.

Vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ người cha và người mẹ không dành chút thời gian nào để chăm sóc con cái dưới 15 tuổi: 6,8% người mẹ và

21,5% người cha⁽²²⁾. Một bộ phận các bậc cha mẹ dành rất ít thời gian cho con hoặc biết ít về các hoạt động của con, đặc biệt là ở những gia đình cha mẹ học vấn thấp, ở nông thôn hoặc mức sống thấp⁽²³⁾. Sự thiếu quan tâm của cha mẹ đối với con cái có thể dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực cả về mối liên hệ tình cảm cha mẹ - con cái hoặc tăng thêm nguy cơ đối với các hành vi lệch chuẩn trong cuộc sống, khi mà giáo dục xã hội chưa đủ sức để đảm nhận sự thay thế này.

Một thách thức khác cũng rất nghiêm trọng là những khó khăn đối với gia đình trong việc chăm sóc người cao tuổi. Xu hướng già hóa dân cư đang diễn ra khá nhanh ở Việt Nam: năm 1989 tỷ lệ người cao tuổi trong tổng số dân cư là 7,1%; đến năm 2014 là 10,2%⁽²⁴⁾. Trong thập niên vừa qua, xã hội Việt Nam đang trải qua quá trình già hóa mạnh mẽ và sâu sắc. Với tổng dân số hơn 96 triệu người (2019), Việt Nam đã có khoảng 11,9% dân số đạt tuổi 60 trở lên (2019)⁽²⁵⁾.

Trước đây người cao tuổi thường sống chung với con cháu trong gia đình mở rộng và điều này là truyền thống tốt đẹp của văn hóa Việt Nam và niềm vui của những người cao tuổi. Tuy nhiên, hệ thống trợ giúp của gia đình cho người cao tuổi trong tương lai gần sẽ gặp những trở ngại do những biến động của quy mô dân số và xu thế hạt nhân hóa gia đình. Việc giảm số con trong gia đình sẽ làm giảm nguồn hỗ trợ cho cha mẹ khi tuổi già. Sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội, tình trạng ly hôn, ly thân và nhiều thanh niên di cư tìm kiếm việc làm khiến cho người cao tuổi càng cô đơn và thiếu nơi nương tựa. Nhiều người cao tuổi sẽ phải sống một mình và tự chăm sóc cho bản thân, phải đối mặt với nhiều khó khăn về tài chính và bệnh tật, đó là chưa kể một bộ phận người cao tuổi không những không được chăm sóc mà còn là người chăm sóc chính các cháu do bố mẹ chúng đi làm xa.

So với nhiều nước khác trên thế giới, người già tại Việt Nam ở trong tình cảnh khá đặc thù. Do phải trải qua một thời gian chiến tranh khá dài, nên phần đông người già không có sổ hưu, không có sổ tiết kiệm cũng như các nguồn tích lũy khác. Có thể nói, nhóm người cao tuổi này đang gặp khó khăn, không chỉ trong việc chi trả cho các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, mà còn khó có thể tự nuôi sống bản thân. Những khó khăn này đang góp phần đẩy người cao tuổi vào tình trạng phụ thuộc vào gia đình và con cháu mà không có một sự lựa chọn nào khác khi các dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi còn hạn chế như hiện nay.

Tuy nhiên, bản thân cuộc sống của gia đình các con cháu cũng còn nhiều vất vả. Theo số liệu năm 2016, tỷ lệ người cao tuổi sống ở mức nghèo đói là khoảng 10%⁽²⁶⁾ vì vậy việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già trong hộ là thực sự khó khăn, trong điều kiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước còn ít. Đối với nhiều gia đình, chi phí chữa bệnh cho người cao tuổi là một gánh nặng kinh tế, vì việc chi trả cho các dịch vụ y tế (khám chữa bệnh, thuốc men, chăm sóc...) thường cao hơn rất nhiều so với thu nhập của họ. Ngoài ra, còn những khó khăn khác như con cái bị tàn tật, đau yếu, con cái không thích ở chung với bố mẹ, công việc của con cái không ổn định, nhà neo người... Tình trạng này đòi hỏi cần có sự quan tâm và chăm sóc tốt hơn người cao tuổi từ phía Nhà nước, cộng đồng, gia đình và thị trường.

Đại bộ phận con cái có sự thăm nom, chăm sóc thường xuyên về mặt tinh thần đối với người cao tuổi. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận con cháu mới chỉ quan tâm đến đời sống vật chất của bố mẹ già, còn cuộc sống tinh thần thì bỏ bê. Lý do chính là con cháu thiếu thời gian, không sẵn sàng lắng nghe và giữa hai bên thiếu sự quan tâm chung⁽²⁷⁾. Thậm chí ở một số gia đình, người cao

tuổi đang phải trải qua các hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần và kinh tế do con cháu gây ra. Những nguyên nhân chủ yếu góp phần dung dưỡng các hành vi bạo lực đối với người cao tuổi là sự đề cao giá trị đồng tiền ở một số người, sự khác biệt về lối sống và sự thiếu quan tâm của các cấp chính quyền đoàn thể đối với mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình. Hiện tượng bạo lực đối với người già gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với người cao tuổi và gia đình, xã hội ⁽²⁸⁾.

3. Vận dụng quan điểm C.Mác và Ph.Ăngghen trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Trong những thập kỷ tới, gia đình vẫn là thiết chế không thể thay thế đối với việc bảo đảm phúc lợi cá nhân và tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH. Tuy nhiên, thiết chế gia đình chưa thể hiện đầy đủ vai trò quan trọng của nó trong việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao tham gia vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước cũng như củng cố sự ổn định và phát triển xã hội nói chung. Vận dụng quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về gia đình, để thực hiện mục tiêu gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của gia đình đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội trong giai đoạn mới, theo chúng tôi cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Một là, cần nhận thức đầy đủ hơn vai trò quan trọng của gia đình đối với sự phát triển xã hội nói chung, từ đó chú ý phát triển gia đình toàn diện. Các chính sách kinh tế - xã hội cần tính tới những tác động đối với đời sống gia đình. Do đó cần tiến hành các nghiên cứu về gia đình ở quy mô lớn để nắm được thường xuyên sự vận động và biến đổi của gia đình cũng như tác động của gia đình đối với sự phát triển xã hội, làm cơ sở thực tiễn cho công tác hoạch định và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội nhằm phát huy vai trò của gia

đình trong phát triển xã hội bền vững. Đồng thời, cần nghiên cứu sự tác động, ảnh hưởng của các quá trình phát triển xã hội, đặc biệt là sự gia tăng đô thị hóa nhanh chóng ở Việt Nam hiện nay, đối với sự phát triển của gia đình để nhận diện rõ các tác động tích cực, tiêu cực của quá trình này tới sự phát triển gia đình, góp phần dự báo và định hướng gia đình phát triển hài hòa, bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước.

Hai là, sự phát triển của gia đình gắn liền với tăng trưởng kinh tế và phát triển các dịch vụ xã hội phục vụ gia đình. Bên cạnh phát triển sản xuất, nâng cao mức sống của người dân, cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về gia đình, đặc biệt thông qua việc củng cố hệ thống dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình, trong đó xác định rõ 03 loại hình quản lý: (1) Nhà nước quản lý hoàn toàn, (2) Nhà nước và nhân dân cùng làm, (3) Nhà nước tạo cơ chế cho dân tự làm.

Ba là, sự biến đổi chuẩn mực vai trò của nam giới và nữ giới trong gia đình đặt ra những vấn đề mới về mối quan hệ giữa bình đẳng giới và củng cố quan hệ gia đình trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, bên cạnh việc phát triển các dịch vụ xã hội phục vụ gia đình, cần quan tâm củng cố chức năng giáo dục của gia đình, xây dựng mối quan hệ mới giữa cha mẹ và con cái trên cơ sở tiếp thu những giá trị nhân văn mới và kế thừa những giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam truyền thống. Tăng cường giáo dục, làm thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên để giải quyết nạn mất cân bằng giới tính.

Bốn là, cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, xu thế giảm chức năng chăm sóc trẻ em và người cao tuổi của gia đình là không thể đảo ngược, do đó, xã hội cần chuẩn bị tốt cho hệ thống an sinh xã hội công và phát huy vai trò của

cộng đồng để phục vụ nhu cầu của chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, đồng thời tạo điều kiện cho các dịch vụ tư nhân tham gia vào việc chăm sóc trẻ em và hỗ trợ người cao tuổi.

Năm là, bạo lực gia đình đang diễn ra khá nghiêm trọng tại các địa phương, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng các mối quan hệ gia đình, đe dọa sự bền vững của gia đình. Cần thiết phải có những giải pháp triệt để hơn nhằm thay đổi nhận thức xã hội về bạo lực gia đình, tăng cường công tác bảo vệ và giúp đỡ nạn nhân.

Ngày nhận bài: 16-8-2021; Ngày phản biện: 8-10-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.

- (1), (2) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.41, 41.
- (3) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.619-620.
- (4), (5), (6) C.Mác- Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.21, Sđd, tr.43, 43-44, 44.
- (7), (8) Xem: Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng: “Một số đặc điểm sự biến đổi gia đình Việt Nam trong mấy thập niên qua”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và giới*, số 4-2018, tr.3-15.
- (9), (13), (22) Tổng cục Thống kê - UNICEF: *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội, 2008.
- (10) Tổng cục Thống kê: *Im lặng là chết: Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2010.
- (11) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - UNFPA: *Báo cáo Kết quả Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi*, Hà Nội, 2020.
- (12) Xem: Vu Manh Loi, Tran Nguyet Minh Thu, Hoang Van Dung. 2018. Divorce in Vietnam: Preliminary Results of a Survey in Hanoi, Khanh Hoa and Tien Giang. *Journal of Institute of Sociology*.

Volume 6. Number 1. June 2018.

- (14) Xem: Viện nghiên cứu Gia đình và Giới: *Số liệu Điều tra Nhận thức và Thái độ về gia đình của người dân Hà Nội*, 2011.
- (15), (23) Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng: “Thái độ của thanh thiếu niên Việt Nam về hôn nhân và gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4-2011, tr.3-14.
- (16) (17), (18), (25) Ban chỉ đạo Tổng Điều tra dân số và nhà ở Trung ương: *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 1-4-2019*, Nxb Thống kê, 12-2019.
- (19) Xem: Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp quốc: *Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
- (20) Dẫn theo: Phan Lương Cừ. “Luật về Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện luật”, trong Hội thảo tọa đàm chuyên gia, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc Hội tổ chức, 8-2010.
- (21) Xem: Anh Quyên: “Xuất khẩu lao động, chờ cơ hội phục hồi từ năm 2022”, Tạp chí *Kinh tế và Dự báo* (online), truy cập ngày 11-6-2021.
- (24) Tổng cục Thống kê: *Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1-4-2014: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 9-2015.
- (26) Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam và Quỹ Dân số Liên Hợp quốc: *Chuyên khảo Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam*, 2019.
- (27) Nguyễn Hữu Minh: *Chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam và một số vấn đề chính sách cần quan tâm*, Tạp chí *Xã hội học*, số 3-2018, tr.42-54.
- (28) Xem: Trần Tuyết Ánh, Nguyễn Hữu Minh, Hoa Hữu Vân (đồng chủ biên): *Bạo lực gia đình ở Việt Nam và giải pháp phòng, chống*, Nxb Lao động, Hà Nội; Nguyễn Hữu Minh: “Phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức chủ yếu và một số vấn đề chính sách cần quan tâm”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6-2019, tr.5-14.